

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong hoạt động khai thác, sử dụng đá vôi tại mỏ đá vôi núi Lò Vôi Lớn, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH Hương Hải Group

Thực hiện Quyết định thanh tra số 624/QĐ-ĐCKS ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại một số mỏ đá vôi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, từ ngày 26 tháng 9 năm 2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan trong hoạt động khai thác và sử dụng đá vôi tại mỏ đá vôi núi Lò Vôi Lớn, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đối với Công ty TNHH Hương Hải Group.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra và Biên bản làm việc lập ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Đoàn thanh tra, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty TNHH Hương Hải Group (sau đây gọi tắt là Công ty); địa chỉ trụ sở chính: Ô - C2, khu Biệt thự Cao cấp đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Bùi Tuấn Ngọc, Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Tổng giám đốc Công ty; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 5700252932, đăng ký lần đầu ngày 04/8/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 03/8/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Công ty đang khai thác tại mỏ đá vôi núi Lò Vôi Lớn, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 621/GP-UBND ngày 20/3/2017 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp; diện tích khu vực khai thác là 4,4 ha; mức sâu khai thác là -40m; trữ lượng địa chất đá vôi: 1.552.800 m³, đất sét tầng phủ: 473.000 m³; trữ lượng khai thác khoáng sản chính (đá vôi): 1.013.988 m³, khoáng sản đi kèm (đất sét tầng phủ): 472.378 m³; công suất khai thác: khoáng sản chính (đá vôi): 200.000 m³/năm (đá nguyên khối), khoáng sản đi kèm (đất sét tầng phủ): 18.000 m³/năm; thời hạn khai thác: 28 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Mục đích sử dụng khoáng sản để sản xuất đá có kích thước (4x6, 1x2, 20x30) cm và đá mi làm vật liệu xây dựng và nung vôi phục vụ nông nghiệp.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

II.1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản

1. Về hiện trạng hoạt động khai thác:

Công ty giao khoán khai thác đá vôi tại mỏ cho đơn vị bên ngoài là Công ty TNHH Tuyết Vân trực tiếp khai thác theo hợp đồng số 24092017/HHG-TV ngày 24/3/2017 ký kết giữa hai bên.

Công ty đã và đang khai thác tại 01 khai trường có diện tích khoảng 1,5 ha, nằm trong ranh giới khu vực được cấp phép khai thác; hiện trạng khai thác đã bạt ngọn từ trên xuống theo 2 tầng (mức +10m; mức +2m); trong đó phần diện tích đã khai thác tới cote +2m (bằng cốt địa hình tự nhiên xung quanh) khoảng 0,5 ha, còn lại đang ở mức +10m. Công ty chưa khai thác phần diện tích có địa hình thấp xung quanh chân núi, nên chưa có khối lượng đất khai thác theo Giấy phép (chưa khai thác phần địa hình âm). Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác như: chiều cao tầng từ 5-10m; góc nghiêng sườn tầng khai thác khoảng 75° và các thông số về tuyến khai thác, xúc bốc, vận chuyển... cơ bản phù hợp với thiết kế mỏ được duyệt.

2. Về sản lượng đá vôi khai thác thực tế hàng năm xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh sản lượng đá vôi khai thác thực tế hàng năm của Công ty theo từng khâu công nghệ, theo từng nguồn số liệu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (chi tiết thể hiện trong Biên bản kèm theo), kết quả như sau:

- Năm 2017 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 12.383 m³, đạt 6,2% công suất được phép khai thác;
- Năm 2018 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 103.870 m³, đạt 51,93% công suất được phép khai thác;
- 6 tháng đầu năm 2019 sản lượng khoáng sản khai thác 97.877 m³.

3. Đã lắp đặt 02 trạm cân: 01 trạm cân tại đầu tuyến đường vào khu vực nghiên sàng đá để kiểm soát bộ khoáng sản nguyên khai vận chuyển ra khỏi mỏ phù hợp với quy định và 01 trạm cân tại đầu ra khu vực nghiên sàng đá, trạm cân này để kiểm soát sản lượng đá sau chế biến, tiêu thụ; Đã lắp đặt thiết bị camera giám sát tại vị trí trạm cân và tại kho (bãi) chứa đá nguyên liệu tại khu vực nghiên sàng.

4. Công tác quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác: thời điểm thanh tra chưa phát hiện thấy tổ chức, cá nhân khác hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác của Công ty. Tỷ lệ tổn thất khoáng sản hàng năm trong quá trình khai thác theo báo cáo định kỳ là 3% (thiết kế mỏ tỷ lệ tổn thất là 4%) tổn thất nằm trong giới hạn cho phép; Sử dụng khoáng sản sau khai thác đúng mục đích sử dụng nêu trong dự án đầu tư khai thác và Giấy phép khai thác khoáng sản.

5. Đã cắm mốc tại các điểm khép góc khu vực được phép khai thác đầy đủ theo quy định; Chưa có Biên bản bàn giao mốc giới khu vực được phép khai thác với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang và UBND cấp huyện, xã theo quy định.

6. Đã đăng ký, thông báo ngày bắt đầu XDCB mỏ và ngày bắt đầu khai thác gửi cho UBND tỉnh Kiên Giang và UBND các cấp. Ngày bắt đầu XDCB mỏ và ngày bắt đầu khai thác (ngày 24/6/2017);

7. Đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đủ tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn phù hợp với quy định; có thông báo bằng văn bản về trình độ, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Đã thực hiện việc lập và gửi Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản và Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản các năm 2017, 2018 cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang theo quy định.

9. Đã lập quản lý, lưu trữ theo quy định các bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác các năm 2017, 2018; Bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác có hình thức và nội dung cơ bản phù hợp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Chưa cập nhật bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khai thác 6 tháng đầu năm 2019.

10. Thực hiện công tác hỗ trợ địa phương nơi mỏ hoạt động: Từ năm 2017 đến nay Công ty đã hỗ trợ công trình phúc lợi, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xóa đói giảm nghèo, trường học, xây dựng nhà gia đình chính sách, đại đoàn kết và đường nông thôn với tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

11. Đã thực các hiện nghĩa vụ tài chính từ năm 2017 đến hết tháng 6/2019 theo quy định: Thuế tài nguyên: 5.271.355 nghìn đồng; Phí bảo vệ môi trường: 1.571.333 nghìn đồng; Tiền thuê đất: 157.901 nghìn đồng; Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 753.390.096 đồng; việc hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước chưa được xác định; Từ năm 2017 đến nay đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường: 357.900.313 đồng.

II.2. Thực hiện các quy định của pháp luật khác có liên quan

1. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường:

Việc thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 10/01/2017: (1) Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; (2) Hàng năm, Công ty có lập và giao nộp kết quả quan trắc cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang. Kết quả giám sát chất lượng môi trường không khí tại khu vực khai thác và sân công nghiệp cho thấy hàm lượng bụi, chỉ tiêu tiếng ồn và độ rung nằm trong ngưỡng cho phép theo quy định của Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN05:2013/BTNMT; QCVN24:2016/BTNMT; QCVN27:2010/BTNMT; QCVN 02:2008/BCT; (3) Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH TM Xử Lý Môi Trường Thành Lập;

Công ty thực hiện lập và nộp báo cáo định kỳ theo quy định về tồn lưu chất thải nguy hại gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang.

2. Việc thực hiện pháp luật về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN):

Công ty TNHH Hương Hải Gruop không trực tiếp khai thác mà giao khoán khai thác cho đơn vị bên ngoài là Công ty TNHH Tuyết Vân trực tiếp khai thác; Công ty TNHH Tuyết Vân được Sở Công thương tỉnh Kiên Giang cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 007062018 ngày 15/06/2018; quá trình nổ mìn khai thác đá có lập hộ chiếu nổ mìn đầy đủ, nội dung hộ chiếu cơ bản phù hợp theo mẫu quy định; có bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn theo quy định; có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Tổng Cục Cảnh sát – Bộ Công an cấp.

3. Việc thực hiện pháp luật về an toàn lao động:

Công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân mỏ; đã ban hành nội quy an toàn tại mỏ; đã ban hành quy trình vận hành thiết bị, xe máy; đã thực hiện việc huấn luyện ATLĐ và VSLĐ cho công nhân mỏ; đã kiểm định các thiết bị khai thác theo quy định; có tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm đối với toàn bộ người lao động; Hàng năm, đã lập và gửi Báo cáo công tác ATVS lao động Báo cáo định kỳ về tai nạn lao động theo quy định.

4. Việc thực hiện pháp luật về đất đai:

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 48/HĐTD ngày 23/6/2017 với Sở Tài nguyên và Môi trường, Diện tích đất thuê là 43,566,3 m², thời hạn thuê đất kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2017 đến ngày 20 tháng 3 năm 2045; hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm;

Đối với diện tích đất được thuê để khai thác khoáng sản Công ty sử dụng đất đúng mục đích.

5. Việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước và xả thải:

Công ty không sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động khai thác; không xả nước thải vào nguồn nước, do nước mưa tự chảy tràn.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

- Công ty khai thác trong diện tích được cấp phép; phương pháp, trình tự và hệ thống khai thác cơ bản theo thiết kế mỏ được duyệt; sử dụng khoáng sản đúng mục đích, phù hợp với dự án đầu tư và Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Trong quá trình hoạt động khai thác tại mỏ, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; sử dụng hợp lý, đúng mục đích và tiết kiệm khoáng sản đã khai thác;

- Quá trình khai thác Công ty có lập sổ sách chứng từ, tài liệu kỹ thuật để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế hàng năm theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đầy đủ, kịp thời theo thông báo của cơ quan Thuế; thực hiện các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác kịp thời theo quy định;

- Đã khắc phục được các tồn tại, vi phạm theo yêu cầu nêu trong Biên bản làm việc của Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh Kiên Giang.

2. Các tồn tại, vi phạm

- Chưa có Biên bản bàn giao mốc giới khu vực được phép khai thác với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện, xã theo quy định;

- Chưa cập nhật bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khai thác 6 tháng đầu năm 2019 theo quy định.

- Công ty chưa gửi thông báo bằng văn bản về nội dung Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường tới UBND xã nơi thực hiện dự án theo quy định.

- Cảnh biển báo an toàn trong khu vực mỏ chưa đầy đủ, nhất là tại một số vị trí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, như: khu vực dưới chân vách núi đá đang khai thác, trên các tuyến đường vận chuyển trong mỏ, khu vực dọc theo biên giới mỏ tiếp giáp trực tiếp với bên ngoài, nơi người dân và gia súc dễ xâm nhập vào khu vực mỏ.

IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐÃ XỬ LÝ

Đoàn thanh tra đã báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo Kết luận thanh tra và dự thảo Công văn gửi UBND tỉnh Kiên Giang trình Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xem xét ban hành, trong đó yêu cầu Công ty khắc phục các tồn tại, vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản và lĩnh vực khác có liên quan, đồng thời kiến nghị với UBND tỉnh Kiên Giang chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan xem xét, xử lý các tồn tại, vi phạm trong lĩnh vực khác có liên quan đã được nêu trong Biên bản làm việc của Đoàn thanh tra; giám sát, đôn đốc các tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính chấp hành nghiêm Quyết định xử phạt và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định; đôn đốc các tổ chức khai thác đá vôi là đối tượng thanh tra thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trong Kết luận thanh tra.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện các công việc sau đây:

- Đề nghị với Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, xã tổ chức bàn giao mốc giới khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thực địa theo quy định;

- Cập nhật bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khai thác theo định kỳ 6 tháng hàng năm theo quy định;

- Cảnh báo đầy đủ các biển báo an toàn trong khu vực mỏ, nhất là tại một số vị trí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, như: khu vực dưới chân vách núi đá đang khai

thác, trên các tuyến đường vận chuyển trong mỏ, khu vực dọc theo biên giới mỏ tiếp giáp trực tiếp với bên ngoài, nơi người dân và gia súc dễ xâm nhập vào khu vực mỏ;

- Gửi thông báo bằng văn bản về nội dung Giấy xác nhận đăng bản ký cam kết bảo vệ môi trường tới UBND xã nơi thực hiện dự án theo quy định.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, Công ty TNHH Hương Hải Group phải báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, UBND tỉnh Kiên Giang bằng văn bản về kết quả thực hiện các yêu cầu nêu trên. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc chậm thực hiện các yêu cầu nêu trên, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- TCT Đỗ Cảnh Dương (để báo cáo);
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh Kiên Giang (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục KSHDKS miền Nam (để giám sát);
- Sở TN&MT tỉnh Kiên Giang;
- Cty TNHH Hương Hải Group (để t/hiện);
- VP Tổng cục (để đăng website);
- Lưu: VP, Đoàn TTr (Q.10 bản giấy).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lại Hồng Thanh